CÔNG TY CỔ PHẦN
THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Địa chỉ: 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38468701 Fax: (028) 3846 6484
Website: www.ttthsaigon.vn

2025

Báo Cáo Thường Niên
(Annual Repport)

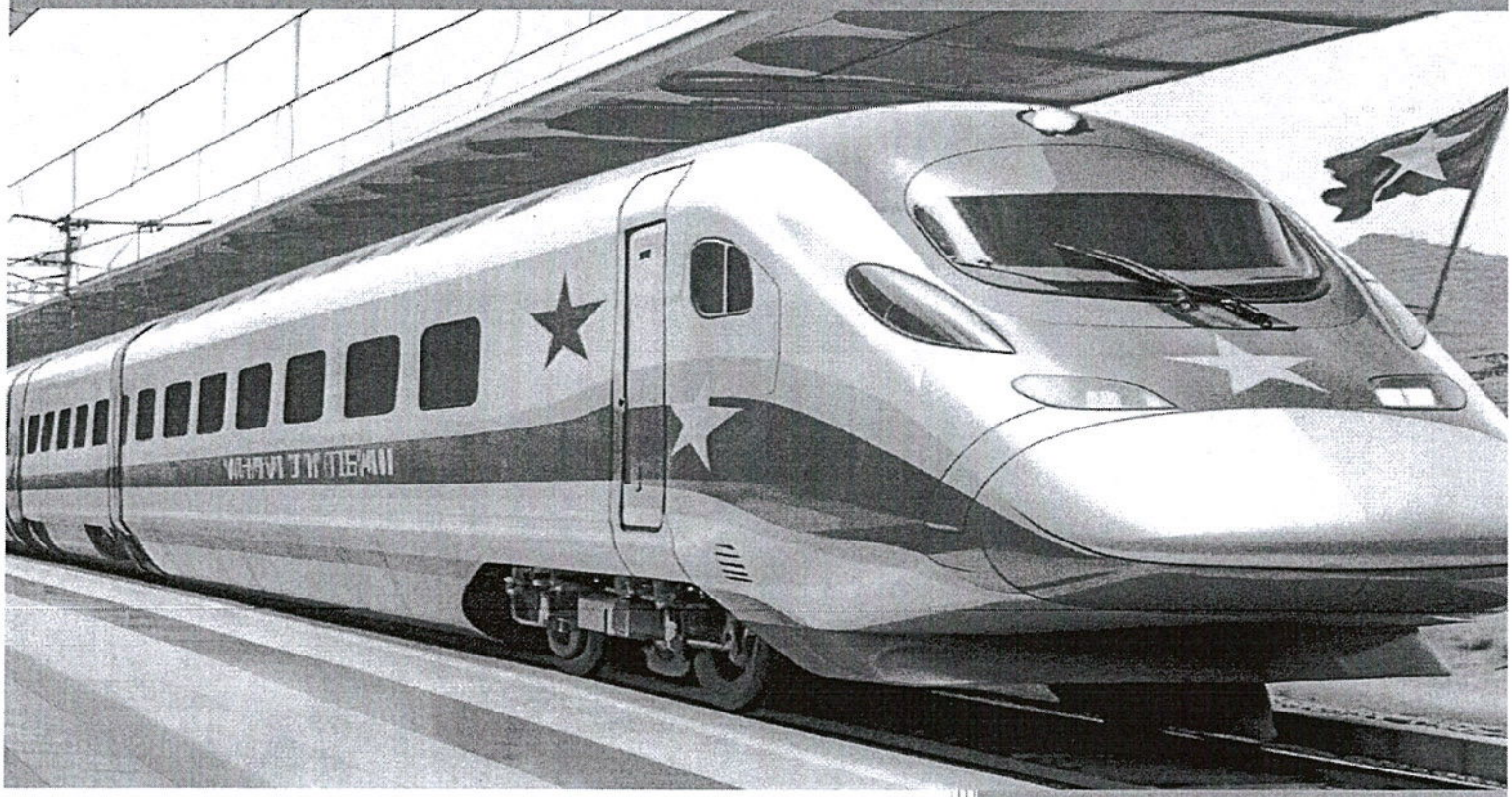

Tp. HCM, 03/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 190 /BC - TTSG	*TP.HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin về công ty:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301097524, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/9/2025
- Vốn điều lệ: 30.741.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.741.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 01, đường Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 38468701. Số fax: (08) 3 8466 484.
- Website: www.ttthsaigon.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): TSG

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài gòn (TTTH ĐSSG) trải qua hơn 40 năm truyền thống xây dựng và phát triển, với 6 lần được đổi tên và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, phù hợp, gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty ĐSVN; cụ thể như sau:

a. Giai đoạn 1976 - 1979:

Đoạn Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 107/TC-LĐTL ngày 28/4/1979 của Tổng cục Đường sắt, là đơn vị sản xuất cơ sở của Tổng cục Đường sắt, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quận Đường sắt 3 và sự lãnh đạo, chỉ đạo về kỹ thuật nghiệp vụ của Sở Thông tin tín hiệu Tổng cục đường sắt (TCĐS).

b. Giai đoạn 1983 -1986:

Đoạn TTTH ĐS Sài Gòn được đổi thành Xí nghiệp TTTH số 5 theo Quyết định số 883/ĐS-TC ngày 30/11/1983 của Tổng cục Đường sắt phạm vi quản lý từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì.

c. Giai đoạn từ tháng 4/1986 đến 1989:

Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5 được đổi thành Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 124/ĐS-TC ngày 1/4/1986 của Tổng cục Đường Sắt. Phạm vi quản lý kéo dài từ Sài Gòn đến đầu nam ga Lệ Trạch (Quảng Bình), cụ thể: từ cột thử dây số 133 khu gian Thạch Khê – Lệ Trạch tới Tp. Hồ Chí Minh với 81 ga và 1000 km đường dây thông tin

Đến tháng 8/1987, tổ chức tiếp tục thay đổi và phạm vi quản lý trở lại như ban đầu (từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì).

d. Giai đoạn 1989 đến 1998:

Năm 1998, theo Quyết định số 882 ngày 17/4/1998 của Bộ GTVT, về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh được đổi tên thành Xí nghiệp TTTH ĐS Sài Gòn trực thuộc Liên hiệp ĐSVN được thành lập trên cơ sở chuyển đổi thành đơn vị sự nghiệp kinh tế.

Xí nghiệp TTTH Đường sắt Sài gòn là tổ chức sản xuất phục vụ, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, được mở tài khoản tại Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, được sử dụng con dấu riêng.

e. Giai đoạn 1998 đến 2003:

Xí nghiệp TTTH Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 734 ngày 20/3/2003 của Bộ Giao thông Vận tải là đơn vị trực thuộc Liên hiệp ĐSVN.

f. Giai đoạn 2003 đến nay:

Năm 2003, Xí nghiệp TTTH Đường sắt Sài Gòn được đổi tên thành Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn và đã được xếp hạng doanh nghiệp hạng I vào năm 2006.

Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam được chuyển đổi thành công ty TNHH MTV TTTH ĐS Sài gòn theo quyết định số 1209/QĐ-ĐS, ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên TCT ĐS Việt Nam; Đây là bước chuyển đổi cơ bản, sâu sắc đối với các Doanh nghiệp Nhà nước trong việc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2005;

Ngày 08/01/2015, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV TTTH Đường sắt Sài Gòn.

Ngày 09/12/2015 Công ty đã tổ chức đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 236-238 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM với giá đấu thành công cao nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công thấp nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công bình quân: 10.100 đồng. Tổng số lượng cổ phần bán được: 67.500 cổ phần

Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày ngày 19/01/2016 với số vốn điều lệ là: 30.741.000.000 đồng (Ba mươi tỷ bảy trăm bốn mốt triệu đồng chẵn).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh**: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt. Xây dựng lắp đặt thiết bị công trình thông tin viễn thông, tín hiệu giao thông; công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình dân dụng, chiếu sáng. Xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp. Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu thép chuyên nghành. Sản xuất kim loại màu và kim loại quý: sản xuất kết cấu thép chuyên nghành (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Kinh doanh dịch vụ viễn thông tin học. Đầu tư kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Du lịch: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ thể thao: kinh doanh các hoạt động thể thao và giải trí thể thao gồm: câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tenis. Dịch vụ bán đấu giá tài sản.
- **Địa bàn kinh doanh**: từ Tp. Hồ Chí Minh đến nam ga Diêu Trì thuộc tỉnh Gia Lai (bao gồm Tp.HCM và các tỉnh: Đồng Nai, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Gia Lai) và trên toàn lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

+ Hội đồng quản trị : 03 người, trong đó có 01 chủ tịch và 02 thành viên. Ban Kiểm soát gồm 03 người, gồm một trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên ban kiểm soát viên.

+ Ban điều hành : 5 người gồm (01 giám đốc và 03 phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng)

+ Các phòng: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Tổ chức hành chính, Kinh doanh, Tài chính Kế toán.

+ Các Chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Sài Gòn.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

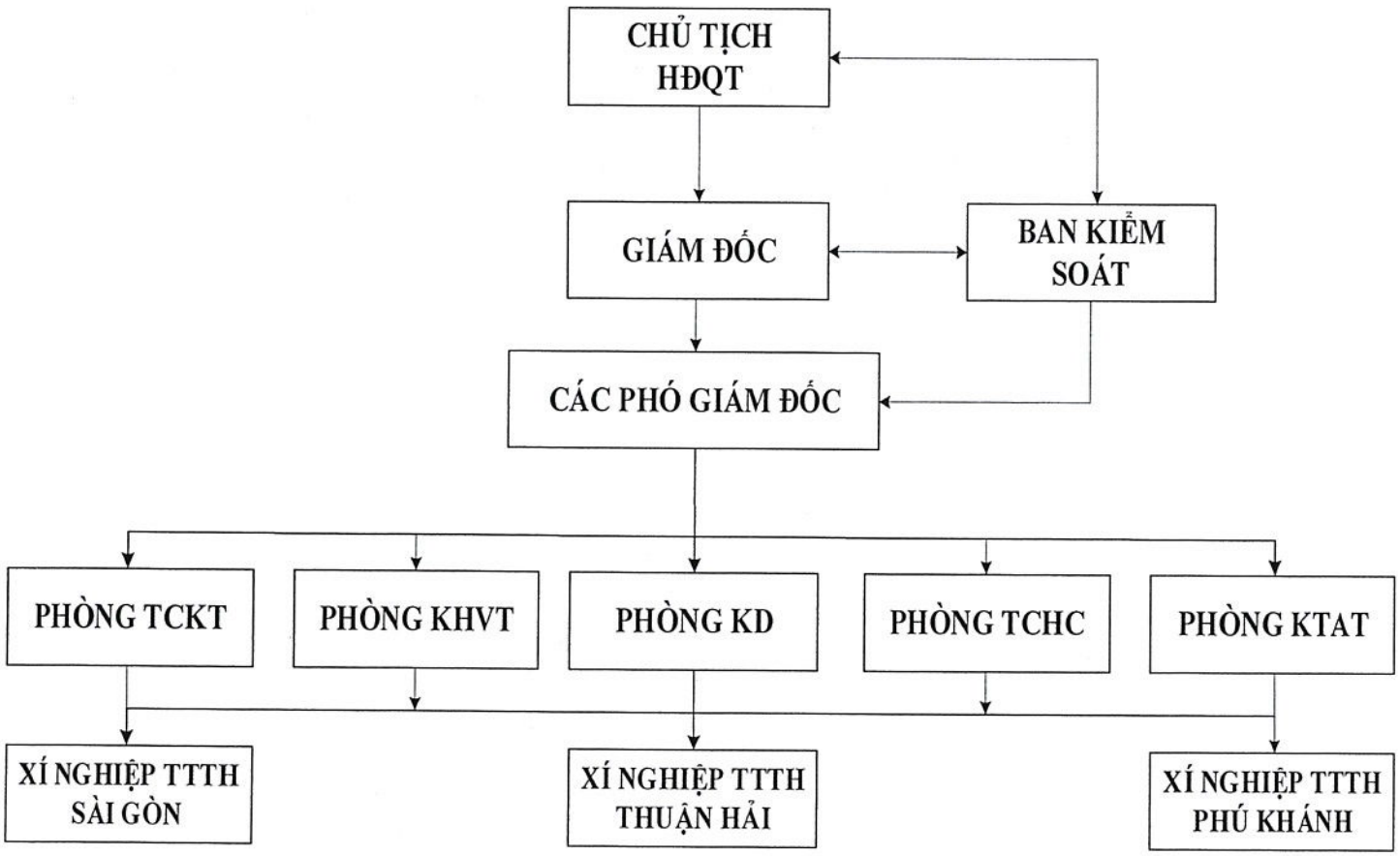

4. Định hướng phát triển

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Xây dựng Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, tăng trưởng doanh thu hàng năm, tăng thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông; tham gia các hoạt động xã hội và có trách nhiệm với các hoạt động xã hội khi có yêu cầu;
- Sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả; trả cổ tức đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích các cổ đông và người lao động.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ xây dựng, Bộ tài chính, Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thông tin tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;
- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc;
- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý Kỹ thuật, Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự;
- Lắp đặt hệ thống giám sát tập trung cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTĐ, giám sát các thiết bị TTTH khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cần chắn tự động tại các đường ngang cảnh báo tự động (ĐN CBTĐ);
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó sử dụng nguồn cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHT ĐS) được Tổng công ty đặt hàng hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cáp quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;
- Thay đổi và có sự khác biệt hóa, chuyên nghiệp trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình, dự án theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài. Đặc biệt là các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị và đường sắt khác.
- Tham gia thầu, liên danh, thi công các Dự án đầu tư KCHT ĐS, các công trình sửa chữa KCHTĐS, các dự án với địa phương...
- Tiếp tục mở rộng sản xuất, khai thác hiệu quả các tài sản và nguồn vốn Công ty đang quản lý sử dụng đặc biệt là các tài sản gắn liền với đất mà Công ty đang quản lý sử dụng tại các khu vực có lợi thế kinh doanh như Sài Gòn, Long Khánh, Nha Trang;
- Đột phá tạo thương hiệu trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

b. Giải pháp về nguồn vốn

• Huy động vốn:

- Lựa chọn đối tác, hạn chế thi công các công trình, dự án có nguồn vốn không rõ ràng; dự án chưa được bố trí vốn hoặc bố trí vốn nhiều năm khó thu hồi vốn;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt, nghiệm thu các công trình, dự án;
- Sau khi công trình đã hoàn thành nghiệm thu đẩy nhanh tiến độ thanh toán, thu hồi vốn đã ứng trước để thi công các công trình, dự án, hạn chế tối đa thời gian thanh toán kéo dài đối với các dự án XDCB dẫn đến nợ tồn đọng, nợ khó đòi;
- Hợp tác kinh doanh tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

• Quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có; sử dụng vốn hiệu quả.
- Đầu tư có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh tốc độ luân chuyển của nguồn vốn đầu tư; tăng luân chuyển các khâu hàng tồn kho, sản xuất và tiêu thụ.
- Thực hiện tạm ứng theo hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn chưa được thanh toán. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ có xu hướng sắp hết hạn thanh toán. Xây dựng quy chế quản lý nợ, định kỳ phân loại nợ và xử lý trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Xây dựng quy chế tài chính, các quy định về định mức chi phí sản xuất và quản lý sản xuất.. .;

c. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu theo quy định pháp luật có tính đến yếu tố tiết kiệm nội bộ của Công ty để giảm chi phí sản xuất. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh; phối hợp đồng bộ từ khâu thiết kế, dự toán, cung ứng vật liệu và tổ chức thi công các công trình;
- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;
- Ký hợp đồng cung ứng theo kế hoạch với bên cung ứng, linh động khâu thanh toán, giảm thời gian vận chuyển;
- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất, vật tư dự phòng giải quyết trở ngại, vật tư chuyên ngành.v.v.. nhưng không làm ứ đọng vốn.

d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng những thiết bị hiện có để duy trì năng lực của thiết bị, tài sản, rà soát lại các thiết bị không sử dụng hoặc năng lực sử dụng thấp để bán, thanh lý thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, không gây ô nhiễm môi trường;
- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận và từng bước làm chủ công nghệ và kỹ thuật xây dựng mới, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;
- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty đang quản lý sử dụng;.

e. Giải pháp về lao động tiền lương

- Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; tự học tập, học hỏi, đọc tài liệu…

- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề…;

- Về chính sách tiền lương

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động các chế độ hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: xác định tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; áp dụng khoa học kỹ thuật và công cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.

- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người xác định mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các Chi nhánh theo nhiệm vụ được giao;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

f. Giải pháp về mở rộng thị trường:

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất, hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án đã được bố trí vốn;

- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh;

- Tiếp tục củng cố và giữ vững thị trường, địa bàn chính đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình chống ảnh hưởng của đường dây điện lực sang hệ thống TTTH ĐS; Thi công xây dựng và sửa chữa các hệ thống TTTH đường ngang có gác và ĐN CBTĐ;

- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu, thi công các công trình phục vụ hiện đại hóa TTTH đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt; Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án "Hiện đại hóa thiết bị TTTH Vinh - TP.HCM GĐ2", các dự án về thông tin tin tín hiệu thuộc đường sắt nội đô TP. Hồ Chí Minh; đường sắt tốc độ cao

- Đột phá tạo sự chuyên nghiệp trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế: Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước. Nguồn ngân sách và nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đường sắt hạn hẹp ít nhiều bị ảnh hưởng.

- Rủi ro pháp lý: Các quy định của nhà nước thường xuyên thay đổi cho phù hợp với

tình hình mới, đòi hỏi công ty phải cập nhật và đổi mới cho phù hợp.

- Rủi ro cạnh tranh: Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối doanh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần đổi mới cho nên kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn, đòi hỏi công ty phải có sự tiếp cận và thay đổi về năng lực cạnh tranh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2025	TH năm 2025	TH/KH (%)
1.	Tổng doanh thu Trong đó:	Triệu đồng	193.217	211.359	109,4
a)	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	193.067	211.182	109,4
b)	Doanh thu tài chính	Triệu đồng	150	177	117,3
c)	Doanh thu hoạt động khác	Triệu đồng	0		
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.653	6.865	103,2
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	15,81	16,03	101,4

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đàm Ngọc Mẫn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
2	Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc
3	Phạm Công Thành	Phó Giám đốc
4	Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc
5	Đoàn Duy Khang	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/3/2026)

2.1.1 Ông Đàm Ngọc Mẫn

- Ngày sinh: 15/12/1974 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 29/13 đường số 4, P. Hiệp Bình, TP. HCM.
- Thẻ CCCD: 024074000335, ngày cấp: 04/03/2022, nơi cấp: Cục CS
- Điện thoại: 0283.8468701
- Trình độ: Kỹ sư kỹ thuật thông tin, Cử nhân QTKD.
- Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 13.700 Tỷ lệ: 0,44%

+ Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: 1.164.600; Tỷ lệ: 37,88%.

2.1.2 Ông Dương Ngọc Thắng

- Ngày sinh: 07/7/1965 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 575/11/5 Cách mạng tháng 8, P.Hòa Hưng, TPHCM

- Số CCCD: 045065006284, Nơi cấp: Cục CS, Ngày cấp: 22/11/2021
- Điện thoại: 0283.8468701
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ tự động điều khiển, Cử nhân QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 14.400 Tỷ lệ: 0,47%
+ Sở hữu đại diện: Không

2.1.3 Ông Phạm Công Thành

- Ngày sinh: 03/8/1969 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: A0606 chung cư Tân Hương Tower 118 Tân Hương, phường Phú Thọ Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
- Số CCCD: 030069012211 , Nơi cấp: Cục CS, Ngày cấp: 02/11/2021
- Điện thoại: 0283.8468701
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật thông tin, Cử nhân QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 12.200 Tỷ lệ: 0,396%
+ Sở hữu đại diện: Không

2.1.4 Ông Trần Anh Tuấn

- Ngày sinh: 24/9/1983 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 47/87/18 đường Trường Lưu, P.Long Trường, Tp.HCM
- Số CCCD: 040083019384, Nơi cấp: Cục CS, Ngày cấp: 14/6/2022
- Điện thoại: 0283.8468701
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tín hiệu, Cử nhân QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 800 Tỷ lệ: 0,026%
+ Sở hữu đại diện: Không

2.1.5 Ông Đoàn Duy Khang

- Ngày sinh: 12/12/1981 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: Cao ốc SGCC chung cư Bình Quới 2, 778 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM
- Số CCCD: 036081006577 - Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH - Ngày cấp: 14/12/2020
- Điện thoại: 0283.8468701
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân QTKD, Kỹ sư Điện – điện tử
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng (Từ

01/3/2026)

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 2.000 Tỷ lệ: 0,065%

+ Sở hữu đại diện: Không

3. Tình hình người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là: 399 người, có trình độ từ trung cấp trở lên.

- Tại Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm xuyên suốt quyết định đến sự tồn tại và phát triển của công ty. Công tác đào tạo và phát triển đội ngũ từng bước được hoàn thiện thông qua các chính sách như: tiền lương, tiền thưởng, đãi ngộ, tuyển dụng và đào tạo huấn luyện nghiệp vụ.
- Tổ chức kiểm tra sát hạch luật lệ định kỳ, nâng lương cho các đối tượng năm 2025; Tổ chức lớp bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân duy tu bảo dưỡng thiết bị TTTH.
- Thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền lương, trang thiết bị BHLĐ đến người lao động. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ, trích nộp, thanh quyết toán chế độ BHXH, BHYT cho người lao động đang làm việc; các thủ tục BHXH khi nghỉ hưu, tuyển dụng hoặc chấm dứt HĐLĐ.
- Các cá nhân, tập thể có thành tích trong đảm bảo an toàn chạy tàu, sáng kiến hợp lý hóa trong quản lý và sản xuất được khen thưởng động viên kịp thời. Thu nhập bình quân của NLĐ năm 2025 là 16,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 3,8% so với năm 2024
- Áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho người lao động yên tâm công tác.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	So sánh 2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	90.741	113.027	124
2	Doanh thu thuần	175.319	211.182	120
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.691	8.882	102
4	Thu nhập khác	82	-	
5	*Lợi nhuận trước thuế*	8.623	8.882	103
6	Lợi nhuận sau thuế	6.653	6.865	103
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) *(Năm 2025 dự kiến trả 11%)*	11%	11%	100

Thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025 đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 22/4/2025, tổng doanh thu đạt 211.359 triệu đồng, trong đó doanh thu thuần đạt 211.182 triệu đồng, đạt 109,4% so với kế hoạch và 120,3% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế đạt 6.865 triệu đồng, đạt 103,2% so với kế hoạch và 103,2% so với năm 2024. Các chỉ số về lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu năm 2025 bằng 101,4% so với kế hoạch

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,55	1,37	H1
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH – hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,19	1,00	H2
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,61	H3
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,14	1,61	Hdo
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,35	8,48	Hlc
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,43	2,07	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,79	3,25	ROA
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,69	15,87	ROE
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,33	6,07	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,95	4,21	

- **Đánh giá các chỉ tiêu tài chính của Công ty**

- **Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán**:

+ Khả năng thanh toán ngắn hạn là năng lực đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán trong thời gian ngắn của công ty (trong thời hạn dưới 12 tháng kể từ ngày ghi nhận gần nhất trên bảng cân đối kế toán). Ngược lại, khả năng thanh toán dài hạn là năng lực đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán trên 12 tháng của công ty. Chỉ số đo lượng khả năng thanh toán phổ biến nhất là: thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh.

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn năm 2025 (H1) của Công ty là: 1,37 > 1, cứ 1 đồng nợ được đảm bảo bởi 1,37 đồng tài sản.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh (H2) thể hiện tình hình tài chính ngắn hạn của Công ty, là thước đo sự lành mạnh của chính Doanh nghiệp. Nếu hệ số này càng cao thì khả năng thanh toán công nợ càng nhanh và ngược lại. Hệ số thanh toán nhanh năm 2025 của Công ty là 1,00 tương đối lành mạnh.

- **Nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn:**

+ Hệ số nợ phải trả / tổng tài sản (H3): Chỉ tiêu này nói lên trong tổng tài sản hiện có của công ty có bao nhiêu đồng do vay nợ mà có. Do vậy, hệ số này càng lớn và có xu hướng tăng chứng tỏ rủi ro tài chính càng tăng và ngược lại. Năm 2025 hệ số nợ/tổng tài sản của công ty thấp (H3=0,61 < 1) phản ánh khả năng tài chính của công ty lành mạnh, ít rủi ro.

+ Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (Hdo): Trong Công ty cổ phần nợ và vốn chủ sở hữu là hai nguồn tài chính cơ bản phục vụ SXKD của Công ty. Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giúp nhà đầu tư xác định cơ cấu nguồn vốn, tỷ trọng trong nguồn vốn Chủ sở hữu và các khoản nợ. Khi hệ số Hdo > 1 phản ánh tình hình tài chính của Công ty được đảm bảo bằng các khoản nợ. Ngược lại, khi Hdo <1 chứng minh nguồn vốn của Công ty được tài trợ bởi chủ sở hữu. Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu năm 2025 là 1,61. Nợ chủ yếu trong

Công ty là các khoản nợ NLĐ năm 2025 chi trả vào đầu năm sau (do đặc thù của Công ty thực hiện nhiệm vụ công ích nên các dự án thường được Ngân sách Nhà nước thanh toán gia hạn sau khi kết thúc năm 30 ngày). Đồng thời, một số công trình và hạng mục công trình Công ty đã thi công xong nhưng chưa thanh quyết toán nên chưa thanh toán cho tổ chức tín dụng ngân hàng, các nhà cung ứng, do vậy ảnh hưởng đến Chỉ tiêu Hdo

- **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:**

+ Hệ số vòng quay hàng tồn kho (Hlc): Phản ánh chu kỳ sản xuất, sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ hết hoặc mua bán nhanh thì giá trị hàng tồn kho sẽ giảm hợp lý, do vậy hệ số vòng quay sẽ tăng và rủi ro tài chính sẽ giảm và ngược lại. Như vậy hệ số vòng quay hàng tồn kho càng lớn và có xu hướng tăng lên, thì số ngày cần thiết cho một vòng quay càng nhỏ, sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ, tồn kho thấp (đối với công ty là hoạt động bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường sắt và thi công xây dựng công trình) việc rút ngắn thời gian trong thi công và thực hiện các thủ tục thanh toán thu hồi vốn, và thực hiện thanh toán nhanh sẽ là nhân tố giảm khối lượng sản phẩm dở dang, khi đó rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại. Năm 2025 hệ số vòng quay hàng tồn kho là 8,48.

+ Hệ số vòng quay tổng tài sản: Chỉ số vòng quay tổng tài sản này cho biết mỗi đồng chi mua tài sản tạo ra cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng doanh thu. Khi doanh nghiệp đầu tư tài sản vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh thì tỉ số này sẽ cho biết với mỗi đồng doanh nghiệp đầu tư vào sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ số vòng quay tổng tài sản càng cao thì hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao, kế hoạch sử dụng tài sản được xem là hợp lý. Chỉ số vòng quay tổng tài sản thấp thể hiện các tài sản mà doanh nghiệp đầu tư chưa thực sự tạo ra nhiều doanh thu, chưa có nhiều thúc đẩy để mang lại dòng tiền.

- **Chỉ tiêu khả năng sinh lời**: Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROA): Chỉ tiêu này phản ánh trình độ kiểm soát chi phí của công ty và tình hình phát triển thị trường. Hệ số khả năng sinh lời năm 2025 là 3,25

- **Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu** (ROE) năm 2025 là 15,87 là cơ sở để các cổ đông tin tưởng vào lợi ích sẽ mang lại khi đã quyết định đầu tư vào Công ty.

4.3 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.3.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.074.100 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông (không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng)

4.3.2 Cơ cấu cổ đông:

Diễn giải	Yếu tố	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Phân theo tỷ lệ sở hữu	x	3.074.100	100,00
Cổ đông lớn		2.329.200	75,77
Cổ đông nhỏ		744.900	24,23
Phân theo tổ chức, cá nhân	x	3.074.100	100,00
Cổ đông tổ chức		2.329.200	75,77
Cổ đông cá nhân		744.900	24,23
Phân theo yếu tố nước ngoài	x	3.074.100	100,00
Cổ đông trong nước		3.062.600	99,626
Cổ đông nước ngoài		11.500	0,374
Phân theo yếu tố nhà nước	x	3.074.100	100,00
Cổ đông nhà nước		2.329.200	75,77
Cổ đông khác		744.900	24,23

4.4 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

4.4.1 Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu phục vụ sản xuất của Công ty chủ yếu là vật liệu chuyên ngành được cung ứng bởi các nhà cung ứng có uy tín, thương hiệu trong và ngoài nước, có xuất xứ rõ ràng, trước khi đưa vào sản xuất được kiểm nghiệm theo quy định. Chi phí nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài (điện nước, dịch vụ viễn thông) chiếm tỷ trọng từ 25% đến 30% trong tổng số kết cấu chi phí. Công ty đang dần từng bước thay thế các thiết bị cũ bằng thiết bị mới với công nghệ mới sử dụng tiêu thụ ít năng lượng, thời gian sử dụng dài thân thiện với môi trường

4.4.2 Vật liệu, thiết bị thu hồi được tái chế sử dụng lại, loại không tái chế được thu hồi và bàn giao về Tổng công ty ĐSVN để xử lý tập trung và nộp cho ngân sách nhà nước.

4.4.3 Trách nhiệm của Công ty với xã hội

Với phạm vi quản lý trải dài hơn 650 km từ Tp.HCM đến Gia Lai, hàng năm Công ty phối hợp tốt với các địa phương có đường sắt đi qua tuyên truyền, phổ biến pháp luật để bảo vệ an toàn giao thông, thiết bị đường sắt. Công ty thường xuyên tham gia thực hiện công tác bảo trợ xã hội trong và ngoài Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Kỳ báo cáo năm 2025	Cùng kỳ báo cáo 2024	Kế hoạch	Cùng kỳ năm trước
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	208.674	228.077	192.851	109,4	118,3
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	193.217	211.359	175.652	109,3	20,3
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	193.067	211.182	175.319	109,4	120,5
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	150	177	251	117,3	70,1
3	Thu nhập khác	Tr.đ			82		
III	Tổng chi phí	Tr.đ	184.594	202.477	167.029	109,6	121,2
1	Giá vốn	Tr.đ	166.358	183.340	148.377	110,2	123,6
2	Chi phí kinh doanh	Tr.đ	17.836	18.720	18.013	105,0	103,9
3	Chi phí tài chính/CP khác	Tr.đ	400	417	639	104,3	85,3
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	8.623	8.882	8.623	103	103
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.653	6.865	6.653	103	103
VI	Thu nhập BQ	tr/ng/tháng	15,600	16.200	15,600	103,8	103,8

Năm 2025, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối			Tỷ trọng (%)		
	Số đầu năm	Số cuối năm	Cuối kỳ/ đầu kỳ (%)	Đầu năm	Cuối năm	Cuối kỳ/ đầu kỳ (%)
Tài sản ngắn hạn	**74.906**	**95.292**	**127,2**	**83**	**84**	**102,1**
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.455	4.966	76,9	7,1	4,4	61,8
Các khoản phải thu ngắn hạn	50.835	64.069	126,0	56,0	56,7	101,2
Hàng tồn kho	17.614	25.608	145,4	19,4	22,7	116,7
TSNH khác	0	648		0,0	0,6	
Tài sản dài hạn	**15.835**	**17.734**	**112,0**	**17,5**	**15,7**	**89,9**
Các khoản phải thu dài hạn	146	20	13,6			
Tài sản cố định	10.121	11.484	113,5	11,2	10,2	91,1
Tài sản dài hạn khác	5.566	6.230	111,9	6,1	5,5	89,8
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**90.741**	113.027	24,6			

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối			Tăng (giảm) (%)
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (giảm)	
Nợ ngắn hạn	69.447	48.337	21.109	43,67
Nợ dài hạn	342	-	342	
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	69.790	**48.337**	**21.452**	**44,3**

Do đặc điểm là Công ty cổ phần thực hiện nhiệm vụ công ích cho Nhà nước và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, nên thời gian thanh toán hàng năm thường được gia hạn đến 30/1 năm sau. Các khoản nợ phải thu của Công ty cũng được thu hồi với thời gian tương ứng và các khoản phải trả của Công ty được thực hiện vào năm sau (Các khoản phải trả nhà cung ứng; phải trả người lao động về các khoản chi của năm 2025; các khoản nợ vay tài chính và các khoản chủ đầu tư tạm ứng chi phí thi công các dự án …). Nợ dài hạn là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của khách hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, sắp xếp mô hình quản lý và sản

xuất theo hướng tập trung vào nhiệm vụ sản xuất chính là quản lý bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, sửa chữa và tham gia xây dựng các công trình đảm bảo ATCT, các dịch vụ khác ngoài sản xuất chính đã mang lại hiệu quả.

- Xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý phù hợp với Công ty cổ phần (quy chế quản lý tài chính, định mức chi phí sản xuất quản lý). Xây dựng hệ thống thang bảng lương mới, phù hợp với mô hình mới, góp phần thúc đẩy năng suất lao động.
- Công tác tuyển dụng ưu tiên nguồn nhân lực có tay nghề, kinh nghiệm.
- Tiết kiệm, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và quản lý sản xuất đúng định mức, đúng dự toán
- Tìm kiếm thị trường, tham gia các hoạt động SXKD khác ngoài hoạt động công ích
- Xây dựng phương án, khai thác có hiệu quả các cơ sở nhà đất
- Tăng cường công tác quản trị ở các khâu sản xuất, quản lý tại cơ sở cũng như toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2026 tiếp tục những kết quả đã thực hiện được sau 10 năm thực hiện cổ phần hóa, hệ thống luật pháp đối với Công ty cổ phần đã đi sâu vào công tác điều hành, thực hiện trong Công ty. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty đại chúng đặc biệt là quyền lợi của cổ đông. Tiếp tục phát triển SXKD để tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của NLĐ, Cổ tức của cổ đông hàng năm được chi trả từ 11% trở lên.

- Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới, các công việc trọng tâm trong năm 2026 như sau:

+ Về tổ chức: Tiếp tục sắp xếp bộ máy đảm bảo tinh gọn, đa năng với mục tiêu đặt hiệu quả công việc lên hàng đầu, tăng cường công tác quản trị công ty

+ Về chi phí: Tiếp tục cải tiến, bổ sung hệ thống định mức chi phí, kế hoạch và kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận;

+ Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề sản xuất chính vẫn là công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, ngoài ra Công ty tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ. Đa dạng hóa marketing, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.

+ Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.

+ Về công nghệ: áp dụng công nghệ vào việc quản lý, thay thế dần các công đoạn thủ công, tối đa việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý ở tất cả các khâu kỹ thuật, nhân sự, hành chính, tài chính kế toán, văn phòng Chi nhánh và các tổ sản xuất. Nâng cao chất lượng Hội nghị truyền hình Công ty, từ Công ty tới các tổ sản xuất nhằm đưa thông tin chỉ đạo thực hiện SXKD kịp thời, giảm chi phí đi lại, hội họp, tiết kiệm chi phí chung làm gia tăng lợi nhuận.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

1.1 Đánh giá chung:

- Công ty hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, thu nhập người lao động và cổ tức chi trả cho các cổ đông. Công ty thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng
- Tổ chức thành công Hội nghị NLĐ năm 2025 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Xây dựng, chỉ đạo và điều hành quyết liệt thực hiện các kế hoạch của quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và SXKD dịch vụ; các thủ tục, thi công, nghiệm thu thanh quyết toán các dự án công trình SXKD, các công trình thuộc dự án dự án 3000 tỷ. Tích cực quan hệ, tìm kiếm thi công các công trình SXKD ngoài sản xuất công ích, đảm bảo nguồn vốn cho SXKD trong các thời điểm.
- Thực hiện tốt các chương trình kỹ thuật để quản lý, ổn định nâng cao chất lượng thiết bị; các mặt về chất lượng, hiệu suất khai thác, an toàn chạy tàu và sự cố trở ngại thiết bị TTTH đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. Ứng dụng mạnh mẽ KHCN trong mọi mặt hoạt động
- Xây dựng bổ sung, sửa đổi kịp thời các quy định, quy chế; bố trí cán bộ, cơ cấu lao động phù hợp, vì vậy đã phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sản xuất.

1.2 Xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

- Hoàn thành 100% công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên; thực hiện các dự án công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả
- Phấn đấu năm 2026, tổng Doanh thu đạt 232,495 tỷ đồng (tăng 10% so với thực hiện 2025). Lợi nhuận sau thuế đạt 6,856 tỷ đồng (bằng so với thực hiện năm 2025. Cổ tức ≥ 11%. Thu nhập 17,82 triệu đồng/người/ tháng (tăng 10% so với thực hiện 2025).
- Phối hợp kinh doanh có hiệu quả các khu vực có mặt bằng nhà đất trong Công ty.
- Đảm bảo ATCT và quản lý tốt thiết bị; thực hiện tốt 02 chương trình kỹ thuật. Tiếp nhận và đưa vào quản lý, bảo trì KCHT đối với các dự án công trình.

1.3 Xây dựng cơ chế, công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật đối với công ty đại chúng
- Quản lý tốt công tác liên quan đến cổ đông
- Xây dựng, có kế hoạch cụ thể điều chỉnh quy định, hoàn thiện cho Công ty cổ phần
- Xây dựng chỉnh sửa ban hành các tài liệu thuộc hệ thống quản lý chất lượng
- Xây dựng ban hành các kế hoạch cho hoạt động của Công ty năm 2025
- Thực hiện tốt, kịp thời công tác kế toán quản trị, quản trị tài chính trong và sau khi lập BCTC hàng quý, năm.
- Hệ thống định mức sử dụng, tiết kiệm chi phí, khoán phù hợp

1.4 Đánh giá tác động của môi trường và xã hội

Công ty luôn luôn xác định xây dựng đơn vị phát triển bền vững, có trách nhiệm với môi trường và xã hội thể hiện trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị. Các phế liệu từ sản xuất được thu hồi xử lý tập trung, nộp TCT ĐSVN không gây ảnh hưởng đối với môi trường, xã hội. Trong quá trình thi công dự án, vận hành thiết bị, thực hiện nghĩa vụ đối với địa phương và Nhà nước theo quy định pháp luật...

1.5 Công tác tổ chức bộ máy quản lý:

Bộ máy công ty đã được tinh gọn hơn theo xu hướng giảm lao động, bố trí hợp lý. Các phòng ban cũng được bố trí lại theo chức năng quản lý, bảo dưỡng SCTX, SXKD,

dịch vụ do vậy đã khai thác tối đa mọi nguồn lực hiện có trong đó các hoạt động dịch vụ của Công ty đã mang lại hiệu quả hơn những năm trước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Năm 2025, Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành đảm bảo nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị. Ban Giám đốc đã đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao đối với việc điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động, điều hành của Ban Giám đốc đảm bảo thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị. Hội đồng quản trị chú trọng công tác quản trị tài chính, đảm bảo an toàn chạy tàu, chỉ đạo chuẩn hóa các Quy trình, Quy chế quản trị, Quy định, tăng cường giám sát việc thực hiện các Quy chế, Quy định này trong hoạt động của Công ty.
- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Giám đốc Công ty đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình kỹ thuật trọng tâm và các kế hoạch chi phí bảo dưỡng thường xuyên, lao động, quỹ lương, bảo hộ lao động, giáo dục đào tạo, quỹ phúc lợi…và các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế trên cơ sở thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Ban Giám đốc được thực hiện thông qua các kết luận, các ý kiến trao đổi trực tiếp, báo cáo, giải trình kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Ban Giám đốc và các cán bộ tham mưu về kết quả hoạt động tại các phiên họp định kỳ, các Hội nghị giao ban tháng, Quý (12 cuộc họp giao ban định kỳ).
- Giám sát thông qua việc xem xét, xử lý các thông tin từ các báo cáo của Ban kiểm soát; báo cáo tài chính, kết luận của hoạt động kiểm toán, các đoàn kiểm tra quyết toán nguồn, kiểm tra giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn.
- Thường xuyên giám sát, yêu cầu Ban Giám đốc xem xét kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí, kiểm soát công nợ, kiểm soát tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ năm 2026, HĐQT xác định một số trọng tâm hoạt động của Công ty như sau:

- Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.
- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tài chính, đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển SXKD, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động. Tuyển dụng, đào tạo có điều kiện, bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Uông Nhật Phương	Chủ tịch HĐQT	82.397	Thành viên không điều hành
2	Đàm Ngọc Mẫn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	13.700	Thành viên điều hành
3	Đậu Trường Thành	Thành viên HĐQT	5.100	Thành viên không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp để thông qua các nội dung chủ yếu sau:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2025
- Phê duyệt công tác cán bộ;
- Phê duyệt thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản cố định
- Thông qua phương án vay vốn tín dụng phục vụ SXKD
- Thông qua và quyết định ban hành các quy chế nội bộ Công ty
- Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, quỹ lương kế hoạch và kế hoạch chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2025

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: không có

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Trần Thị Ánh Hoa	Trưởng Ban	**6.600**	
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	1.200	
3	Nguyễn Thị Lý Bá	Thành viên	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giao ban sản xuất kinh doanh hàng tháng do Giám đốc Công ty chủ trì
- Giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2025 về chia cổ tức và trích lập các quỹ; kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; việc chi trả tiền lương, thù lao cho người lao động và người quản lý Công ty
- Giám sát việc xây dựng, ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định quản trị nội bộ phù hợp với pháp luật hiện hành. Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

"Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

2. Số liệu báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NAV và được Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đồng thời dăng tải trên website: www. ttthsaigon.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY' S LEGAL REPRESENTTATIVE
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Đàm Ngọc Mẫn

Nơi nhận:
- Như trên;
- CBTT;
- Chủ tịch HĐQT; (EO)
- Giám đốc Cty; (EO)
- P.TCKT, Ban KS; (EO)
- Lưu VT, TCKT.